

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 02 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Anh Minh

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 704/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 trong quá trình giải nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 được sự thống nhất của hai bên gia đình, bà với ông L đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, ông L không lo tập trung làm ăn dẫn đến thiếu nợ nhiều lần, thường xuyên gây gổ, chửi bới đánh đập bà. Mặc dù bản thân và hai bên gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 11/5/2008, hiện đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ Q; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 11/5/2008, hiện đang sống cùng bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao trẻ Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng

Về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông L trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 17/02/2025 và ngày 19/02/2025 bà T với ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L.

[2] Về hôn nhân. Bà T với ông L kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/8/2016 theo giấy chứng nhận số 70/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, hôn nhân ông bà hợp pháp.

Xét bà T yêu cầu ly hôn với ông L, ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà T ly hôn với ông L.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 11/5/2008. Xét thấy, ông L đồng ý giao trẻ Q cho bà T nuôi dưỡng. Cũng như, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, theo văn bản ghi nguyện vọng trẻ Quyên ngày 20/01/2025 thể hiện, trẻ Q có nguyện vọng ở với bà T nên giao trẻ Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông L trình bày không có.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị T ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Tú Q, sinh ngày 11/5/2008 cho bà Bùi Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010084 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án thành phố Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

